

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HN&GD-ST

Ngày: 19-8-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Đức Sơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST-HN&GD ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXXST-HN&GD ngày 23 tháng 7 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1977;

Cùng nơi đăng ký HKTT: Ấp Bình Tây, xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Cùng nơi tạm trú: Tổ 6, khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Th chung sống như vợ chồng từ năm 2002; đến năm 2015, bà T và ông Th mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; thời gian chung sống, bà T và ông Th có với nhau 03 con chung, trong những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Th đã nhiều lần thực hiện hành vi bạo lực gia đình, bà T đã làm đơn nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả, bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không

còn yêu thương quý trọng nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có với nhau 03 con chung tên Trần Hoài L, sinh ngày 12/12/2002; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/12/2019; sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi con chưa thành niên là Trần Gia T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với 02 con Trần Hoài Linh và Trần Thị Cẩm Lan hiện tại đã thành niên và có gia đình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Ông Th và bà T sau một thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng thì đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không chăm lo cho gia đình nên hay xảy ra cãi nhau. Ông Th không đồng ý ly hôn bà T vì ông Th vẫn còn thương vợ và các con.

Về con chung: Ông Th thừa nhận giữa ông và bà T có với nhau 03 con chung như bà T trình bày, tuy nhiên ông Th cũng yêu cầu được quyền nuôi con chưa thành niên là Trần Gia T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với 02 con Trần Hoài Linh và Trần Thị Cẩm Loan hiện tại đã thành niên và có gia đình nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ.

Bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn và vẫn giữ nguyên ý kiến về việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Thị T ly hôn ông Trần Văn Th.
2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Gia T1, sinh ngày 04/12/2019.
3. Ghi nhận ý kiến của bà T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ

Buộc bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Đặng Thị T khởi kiện **ly hôn, tranh chấp về nuôi con** với bị đơn Trần Văn Th; bị đơn có nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay tại khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (theo Thông báo số 000105 ngày 29/01/2024 của Công an thị trấn DT, huyện Đức Linh).

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2002; tuy nhiên, đến năm 2015, bà T và ông Th mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th được công nhận là hôn nhân hợp pháp từ sau ngày 24/4/2015 và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, bà T và ông Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà T là do ông Th thường xuyên bạo lực gia đình, còn ông Th thì cho rằng bà T thường xuyên đi đánh bạc không chăm lo cho gia đình; qua hòa giải và tại phiên tòa bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn ông Th.

Ông Th đã biết việc bà T có yêu cầu ly hôn ông, tuy nhiên ông Th không có động thái tác động để bà T rút lại yêu cầu ly hôn.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Th.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các bản sao giấy khai sinh số 116, đăng ký ngày 13/7/2004; số 04, đăng ký ngày 04/01/2006 và số 383, đăng ký ngày 10/12/2019 (đều đăng ký tại UBND xã TN, huyện Gò Công Tây) thì có căn cứ khẳng định Trần Hoài L, sinh ngày 12/12/2002; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/12/2019 là 03 người con chung của bà Đặng Thị T và ông Trần Văn Th. Sau khi ly hôn thì bà T có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Trần Gia T1.

Nhận thấy, T1h đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì bà T và ông Th còn 01 người con chung của chưa đủ 07 tuổi; hiện tại bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc thay đổi chỗ ở, môi trường sinh hoạt ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tình cảm, tâm sinh lý của cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Gia T1 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong bản án này.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị T ly hôn ông Trần Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 24/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang giữa bà Đặng Thị T và ông Trần Văn Th hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Gia T1, sinh ngày 04/12/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí:

Buộc bà Đặng Thị T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0004631 ngày 24/6/2024. **Bà T đã nộp đủ tiền án phí.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TN;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận